TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:68/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2023
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn – Bà Đồng Thị Lý
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:177/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:89/2023/QĐST- HNGĐ ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐ-HPT ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh ngày 01/8/1980.
Trú tại: xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh Thái Văn H, sinh ngày 12/02/1979.
Trú tại: xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và Anh Thái Văn H cưới nhau vào tháng 11/1999, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14/1999 ngày 15/11/1999. Sau khi kết hôn thì đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên vợ chồng thường xuyên có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày sâu sắc trầm trọng, nên đã làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng xác

định không thể đoàn tụ, nên không hòa giải, cũng không yêu cầu gia đình, các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cho vợ chồng mà bỏ mặc hậu quả xảy ra. Không sống được với nhau, Chị L đã và Anh H đã chủ động sống ly thân cắt đứt các quan hệ sinh hoạt đối với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị Phan Thị L xác định hôn nhân giữa chị và anh H đã tan rã, đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái Văn H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 04 con chung cháu Thái Thị V (Giới tính: Nữ), sinh ngày 20/10/2000; cháu Thái Thị M(Giới tính: nữ), sinh ngày 28/11/2002; cháu Thái Thị Bảo Y(Giới tính: nữ), sinh ngày 08/7/2005 và cháu Thái Văn N(Giới tính: nam), sinh ngày 30/6/2008. Hiện nay cháy V, cháu M và cháu Y đã trưởng thành, có gia đình riêng, cháu N đang được Chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.Nếu ly hôn các cháu đã trưởng thành có gia đình Chị L không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị giao con chung chưa thành niên cháu Thái Văn N(Giới tính: nam), sinh ngày 30/6/2008 cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vì con chung có nguyện vọng được sinh sống với mẹ, chị không yêu cầu cấp anh Thái Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Phan Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thái Văn H, Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Phan Thị L và Anh Thái Văn H cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm P, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn anh Thái Văn H không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục niêm yết tống đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai

cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Thái Văn H.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Phan Thị L, anh Thái Văn H được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. chị L, anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:14/1999 ngày 15/11/1999 nên xác định hôn nhân giữa chị Phan Thị L và anh Thái Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị L, anh H tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau trong quá trình sống chung. Chị L, anh H xác định hôn nhân đã đổ vỡ nên các bên đã chủ động sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ hệ đối với nhau từ đầu năm 2021. Kể từ ngày sống ly thân cho đến nay các bên không có ý thức hòa giải níu kéo hôn nhân.Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị L, anh H đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn nhân giữa các bên không còn. Nay Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh H.

- Về quan hệ con chung: Chị Thái Thị V(Giới tính: Nữ), sinh ngày 20/10/2000; chị Thái Thị M(Giới tính: nữ), sinh ngày 28/11/2002; chị Thái Thị Bảo Y(Giới tính: nữ), sinh ngày 08/7/2005 con chung của chị L, anh H đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất tinh thần, đã có gia đình riêng, nên tòa án không xem xét giải quyết. Đối với con chưa trưởng thành cháu Thái Văn N (Giới tính: nam), sinh ngày 30/6/2008, được chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ ngày vợ chồng sống ly thân. Mặc dù không có sự chu cấp hổ trợ của anh H để nuôi cháu N, nhưng chị L vẫn nuôi dạy con tốt, con chung phát triên tôt về mọi mặt, quyền lợi con chung được đảm bảo. Nay chị L đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng con chung, do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Phan Thị L.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến lúc chị V có đơn yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: chị Phan Thị L không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Phan Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm**:** Chị Phan Thị L được ly hôn anh Thái Văn H.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Thái Văn N(Giới tính: nam), sinh ngày 30/6/2008 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Thái Văn H cho đến lúc chị L có đơn yêu cầu.

Anh Thái Văn H người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Phan Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0000753 ngày 11/4/2023, Chị L đã nộp đủ án phí.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã V, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã V